

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN NHƯ XUÂN  
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 29-3-2022

V/v “*Tranh chấp ly hôn, nuôi  
con khi ly hôn*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHƯ XUÂN, TỈNH THANH HÓA**

**- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán: Chủ tọa phiên tòa:* Ông Ngô Công Tuấn.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Lê Thị Hà; 2. Bà Hà Thị Hương.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lô Thị Minh – Thư ký Tòa án Nhân dân huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Như Xuân tham gia phiên tòa:**  
Ông Hàn Văn Vinh – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Như Xuân xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 126/2021/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2021 về việc: “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự,

*1. Nguyên đơn:* Chị Vi Thị S - Sinh năm: 1996.

Địa chỉ: thôn Thanh Nhân, xã Thanh Quân, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Ông Hoàng Đức Hiếu, Trợ giúp viên pháp lý của Chi nhánh TGPL số 4- Trung tâm TGPL Nhà nước tỉnh Thanh Hóa.

*2. Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn L - Sinh năm: 1986.

Địa chỉ: khu phố 4, thị trấn Yên Cát, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa

Tại phiên tòa vắng mặt chị S (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt); có mặt ông Hiếu; vắng mặt anh L (không có lý do).

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Vi Thị

S trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu và đăng kí kết hôn tại UBND thị trấn Yên Cát, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa ngày 04/7/2016. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm nhau. Tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng ngày càng trầm trọng không thể khắc phục được. Nay Chị xác định không còn tình cảm với chồng nên Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn L.

Về con chung: Chị và anh Nguyễn Văn L có một con chung là Nguyễn Thị Gia H, sinh ngày 24/9/2017. Hiện nay, cháu H đang ở với anh L. Nếu ly hôn chị S đề nghị được nuôi cháu Nguyễn Thị Gia H không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có tài sản, công nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình làm việc tại Tòa án, trong các bản khai anh Nguyễn Văn L trình bày: Anh và chị Vi Thị S kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Yên Cát, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa ngày 04/7/2016. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm nhau. Do đó, chị S bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống từ cuối năm 2021 đến nay. Anh có cố liên lạc với chị S nhưng không liên lạc được và đã liên lạc với gia đình bố mẹ chị S tác động để chị S trở về đoàn tụ và nuôi con nhưng chị S không trở về. Nay chị S đề nghị ly hôn anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn nên anh đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ.

Về con chung: Anh và chị S có một con chung là Nguyễn Thị Gia H, sinh ngày 24/9/2017. Hiện nay cháu H đang ở với anh L. Ly hôn anh L đề nghị được nuôi cháu Nguyễn Thị Gia H và yêu cầu chị S cấp dưỡng nuôi con 5.000.0000 đồng mỗi tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có tài sản, công nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xác minh tại địa phương về tình trạng hôn nhân, nguyên nhân phát sinh tranh chấp đúng như các đương sự đã trình bày. Xác minh về công việc, thu nhập của chị S và anh L đều có đủ điều kiện nuôi con chung.

*Tại phiên tòa sơ thẩm:*

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

*Về hôn nhân:* Chị S và anh L đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Yên Cát ngày 04/7/2016 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không ai bị lừa dối hay ép buộc. Sau khi kết hôn anh chị sống hạnh phúc với nhau được một thời gian dài thì phát sinh mâu thuẫn. Từ năm 2017 đến nay anh L và chị S đã sống ly thân, không ai quan tâm chăm sóc gia đình chung.

Như vậy có đủ căn cứ để khẳng định rằng mâu thuẫn giữa chị S và anh L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014 giải quyết cho chị S được ly hôn với anh L.

*Về con chung:* Trong thời kỳ hôn nhân, chị S và anh L có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Gia H, sinh ngày 24/9/2017. Cháu H phát triển bình thường về thể lực và trí lực, không ốm đau bệnh tật gì. Quá trình chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, cả chị S và anh L đều yêu thương và đối xử tốt với con. Chị S là người khỏe mạnh, chăm chỉ làm ăn tạo thu nhập để đảm bảo việc nuôi con. Hiện nay cháu Gia H còn nhỏ, rất cần bàn tay nâng niu chăm sóc của người mẹ. Vì vậy để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu H và nguyện vọng chính đáng của chị Vi Thị S, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình 2014 giao cháu H cho chị Vi Thị S trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng.

*Về mức cấp dưỡng:* Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Vi Thị S không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung. Đề nghị HĐXX không xem xét.

*Về tài sản và các nghĩa vụ chung:* Do chị S và anh L không yêu cầu giải quyết, đề nghị HĐXX không xem xét.

*Về án phí:* Do chị S là đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn - là đối tượng được miễn tiền án phí theo quy định tại điểm đ, khoản 1, Điều 12 Nghị định số 326/2016 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí. Vì vậy đề nghị HĐXX xem xét miễn án phí cho chị S.

*Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Như Xuân phát biểu ý kiến:*

Về tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng quy định tại các điều 70, 71, 72 của BLTTDS. Đã xác minh tại địa phương về tình trạng hôn nhân, nguyên nhân phát sinh tranh chấp theo khoản 3 Điều 208 BLTTDS, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự.

Về giải quyết vụ án: *Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 BLTTDS; Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi*

kiện của nguyên đơn: Về ly hôn, chị Vi Thị S được ly hôn anh Nguyễn Văn L; Về con chung đề nghị Hội đồng xét xử giao con là Nguyễn Thị Gia H cho chị Vi Thị S trực tiếp nuôi dưỡng anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung đối với chị S.

Về tài sản, công nợ chung: không yêu cầu nên miễn xét.

Về án phí: Do chị S thuộc trường hợp được miễn tiền án phí nên đề nghị miễn tiền án phí ly hôn cho chị S.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Vi Thị S khởi kiện ly hôn anh Nguyễn Văn L, anh Nguyễn Văn L đăng ký hộ khẩu và đang cư trú tại: Khu phố 4, thị trấn Yên Cát, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa. Vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa theo quy định tại Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị Vi Thị S có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Anh Nguyễn Văn L đã được triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 của BLTTDS xét xử vụ án vắng mặt chị Vi Thị S và anh Nguyễn Văn L.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Vi Thị S và anh Nguyễn Văn L có đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được UBND thị trấn Yên Cát, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 29 ngày 04/7/2016 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình làm việc tại Tòa án và xác minh tại địa phương: Sau khi kết hôn về chung sống nhưng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm nhau. Nên chị S đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống từ cuối năm 2021 đến nay không ai quan tâm đến gia đình chung.

Xét hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vi Thị S, cho chị S được ly hôn anh L là phù hợp khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình.

[3] Về con chung: Xét về điều kiện phát triển về mọi mặt; Ý kiến của các đương sự thấy rằng: Cháu Nguyễn Thị Gia H còn nhỏ, giới tính nữ nên Hội đồng xét xử quyết định, giao cháu Nguyễn Thị Gia H cho chị Vi Thị S trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 2, 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình và đảm bảo cho cháu phát triển về mọi mặt tốt nhất.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị S không yêu cầu về cấp dưỡng nên HĐXX miễn xét.

[5] Về tài sản, công nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên miễn xét.

[6] Về án phí: Chị S đã nộp tiền tạm ứng án phí ly hôn nhưng thuộc trường hợp là người dân tộc thiểu số, cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn tiền án phí. Trả lại cho chị S số tiền tạm ứng án phí ly hôn đã nộp.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 144; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vi Thị S.

*Về hôn nhân:* Cho chị Vi Thị S được ly hôn anh Nguyễn Văn L.

*Về con chung:* Giao con chung là cháu Nguyễn Thị Gia H, sinh ngày 24/9/2017 cho chị Vi Thị S trực tiếp nuôi dưỡng, anh L chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung.

*Anh L được quyền thăm nom chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các đương sự có quyền đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.*

*Về tài sản và nghĩa vụ chung:* Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

*Về án phí:* Chị Vi Thị S được miễn tiền án phí ly hôn nhưng hiện tại đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí. Vì vậy, chị Vi Thị S được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Như Xuân, theo biên lai thu tiền số AA/2021/0008164 ngày 25/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Như Xuân; Anh Nguyễn Văn L không phải chịu án phí theo quy định.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo QĐ tại các điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.*

Án xử sơ thẩm công khai. Vắng mặt nguyên đơn và bị đơn. Nguyên đơn Chi Vi Thị S và bị đơn anh Nguyễn Văn L được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hợp lệ hoặc Bản án được niêm yết tại địa phương nơi cư trú.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Như Xuân;
- Chi cục THADS huyện Như Xuân;
- Các đương sự;
- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn;
- UBND thị trấn Yên Cát, huyện Như Xuân;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Ngô Công Tuấn**